

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP MẶT TRỜI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP MẶT TRỜI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SUN AGRICULTURE MATERIALS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SUN AGRIMA., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107858217

**3. Ngày thành lập:** 24/05/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Xóm Đường, thôn Hạ Lôi, Xã Mê Linh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0972 138 399

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4722     |
| 2.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(trừ kinh doanh dược phẩm)<br>Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm                                     | 4649     |
| 3.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3320     |
| 4.  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7730     |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Nhập khẩu, xuất khẩu thuốc bảo vệ thực vật                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8299     |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4653     |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; | 4659     |
| 8.  | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4610     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | Bán buôn gạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4631        |
| 10. | Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                      | 0130        |
| 11. | Xử lý hạt giống để nhân giống                                                                                                                                                                                                                                                                               | 0164        |
| 12. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định.<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>- Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô | 4932        |
| 13. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                        | 4933        |
| 14. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                           | 4721        |
| 15. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật                                                                                                                                                                                                                         | 4669(Chính) |
| 16. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                                                                      | 4620        |
| 17. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4632        |
| 18. | Trồng cây ăn quả                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 0121        |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN VĂN HIỆP   | Xóm Đường, thôn Hạ Lôi, Xã Mê Linh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam        | Cổ phần phổ thông | 25.000     | 250.000.000           | 5,000     | 013586259                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 25.000     | 250.000.000           | 5,000     |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN TIẾN TRÌNH | Xóm Đường, thôn Hạ Lôi, Xã Mê Linh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam        | Cổ phần phổ thông | 25.000     | 250.000.000           | 5,000     | 013586215                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 25.000     | 250.000.000           | 5,000     |                                                                                             |         |

